TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 497/2024/HSPT
Ngày: 30/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cường**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Chí Công**

Bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Ra**, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 347/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo Hoàng Thị Hồng N, Nguyễn Phước H về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2024/HS-ST ngày 03/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo:

1. H3 (tên gọi khác: không), sinh ngày 17 tháng 7 năm 1971 tại tỉnh Sơn La; nơi ĐKNKTT và nơi ở: Số D đường Đ, tổ I, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo; con ông Hoàng Quang M (đã chết) và bà Lê Thị T (còn sống); có chồng là Nguyễn Phước H và 01 con sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 24/7/2023, hiện đang bị tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN PHƯỚC H1 (tên gọi khác: không), sinh ngày 10 tháng 12 năm 1969 tại tỉnh Quảng Ninh; nơi ĐKNKTT và nơi ở: Số D đường Đ, tổ I, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân

tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo; con ông Nguyễn T1 và bà Phạm Thị B (đều đã chết); có vợ là Hoàng Thị Hồng N và 01 con sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 24/7/2023, hiện đang bị tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị Hồng N *và bị cáo* Nguyễn Phước H*:* Ông Nguyễn Thanh S - Luật sư Công ty L, Đoàn Luật sư thành phố Đ, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 7/2021, Hoàng Thị Hồng N đã bắt đầu có giao dịch đầu tư đồng tiền ảo Bitcoin qua sàn "Binance.com" với Nguyễn Văn N1 - N1 là người trực tiếp bán Bitcoin cho N. Việc mua bán này được thực hiện qua Zalo của N1 (NhamBK, đăng ký số điện thoại 0395.953.748) và N (Nhạn và Anna H2).

Để có tiền tiếp tục đầu tư đồng tiền ảo Bitcoin, khoảng tháng 3/2022, Hoàng Thị Hồng N, Nguyễn Phước H nói dối với vợ chồng ông Phan D (hiện nay đã chết vào ngày 19/6/2022), bà Huỳnh Thị Kim N2 là vợ chồng N, H có 01 hợp đồng mua bán nhà tiền chế (tức là khung nhà xưởng) ở bên T, trị giá 850.000 USD cần qua thanh toán để nhận tiền về nhưng hiện tại tình hình kinh tế khó khăn nên đề nghị vợ chồng bà N2 giúp cho mượn tiền làm chi phí thanh toán hợp đồng, khi nào hoàn tất nhận tiền về sẽ trả lại cho vợ chồng bà N2.

Tin lời vợ chồng N, H, từ ngày 15/3/2022 đến ngày 17/5/2022 vợ chồng bà N2 đã cho vợ chồng N, H nhiều lần mượn tiền với số tiền tổng cộng là 15.848.000.000 đồng. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 15/3/2022: mượn 750.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 21/3/2022: mượn 500.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 21/3/2022: mượn 278.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 28/3/2022: mượn 850.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 13/4/2022: mượn 300.000.000 đồng

Lần 6: Ngày 20/4/2022: mượn 520.000.000 đồng.

Lần 7: Ngày 23/4/2022: mượn 250.000.000 đồng.

Lần 8: Ngày 29/4/2022: mượn 800.000.000 đồng.

Trong 08 lần mượn tiền trên, vợ chồng N, H đưa ra lý do là để kích hoạt tài khoản làm thủ tục thanh toán hợp đồng. Tuy nhiên, qua điều tra xác định: Sau khi mượn

tiền, từ ngày 15/3/2022 đến ngày 04/5/2022 N chuyển tiền từ tài khoản số 1001001139999, ngân hàng V và số tài khoản 19038084330017, ngân hàng T2 đến tài khoản của Nguyễn Văn N1 số 22426927 và số 23795067 mở tại Ngân hàng TMCP Á, số tài khoản 190328106600411 mở tại Ngân hàng TMCP K để mua bitcoin của Nguyễn Văn N1. Đến ngày 05/5/2022, để tiếp tục mượn được tiền từ vợ chồng bà N2, mặc dù vẫn đang ở Việt Nam, nhưng vợ chồng N, H bàn bạc nói dối với vợ chồng bà N2 là N đã xuất cảnh sang Senegal để xử lý hợp đồng và tiếp tục 03 lần mượn tiền của vợ chồng bà N2, cụ thể:

Lần 01: Ngày 05/5/2022, mượn 4.400.000.000 đồng.

Lần 02: Ngày 10/5/2022: mượn 2.800.000.000 đồng.

Lần 03: Ngày 17/5/2022: mượn 4.400.000.000 đồng

Trong 03 lần mượn tiền trên, vợ chồng H, N đưa ra lý do là để góp vốn đối ứng, nộp thuế, phí và mua mã code để chuyển tiền thanh toán hợp đồng về Việt Nam. Tuy nhiên, kết quả điều tra xác định khi mượn tiền, từ ngày 05/5/2022 đến ngày 08/6/2022, N và H tiếp tục chuyển tiền để mua Bitcoin từ Nguyễn Văn N1.

* Tang, tài vật thu giữ: 01 điện thoại di động Iphone Xsmax màu đen của Nguyễn Phước H; 01 máy tính xách tay Macbook Air màu hồng của Hoàng Thị Hồng N.

* Về trách nhiệm dân sự và việc bồi thường: Bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là 15.848.000.000 đồng; các bị cáo đã bồi thường và tác động gia đình bồi thường được 900.000.000 đồng.

Tại giai đoạn truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi đúng như nội dung cáo trạng, thừa nhận tội danh bị truy tố là đúng, thừa nhận có nói dối việc xuất cảnh qua Senegal để vay mượn được tiền của bị hại; nhưng các bị cáo đề nghị xem xét về nguyên nhân dẫn đến việc các bị cáo phạm tội là do các bị cáo cũng là nạn nhân của hành vi lừa đảo quốc tế liên quan đến các đối tượng có tên là M1 và S1, đề nghị xem xét số tiền 4.248.000.000 đồng vay mượn từ ngày 15/3/2022 đến ngày 29/4/2022 là giao dịch dân sự, toàn bộ số tiền vay mượn của vợ chồng bà N2 các bị cáo đều mua B1 và chuyển hết Bitcoin cho các đối tượng có tên là M1 và S1 chứ không chiếm đoạt để đầu tư tiền ảo như kết luận của bản cáo trạng.

Từ những nội dung đã được xác định nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2024/HS-ST ngày 03/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Hoàng Thị Hồng N, Nguyễn Phước H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1.1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Hoàng Thị Hồng N 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 24/7/2023.

1.2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Phước H 17 (Mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 24/7/2023.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/6/2024 và ngày 13/6/2024, bị cáo Hoàng Thị Hồng N và bị cáo Nguyễn Phước H kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo cho rằng Toà án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có tình tiết giảm nhẹ mới, gia đình các bị cáo khó khăn nhưng các bị cáo xác định trách nhiệm phải thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với bị hại, các bị cáo cũng là bị hại trong vụ án khác, phạm tội do khó khăn về tài chính. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét ý kiến của Luật sư và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, các bị cáo thừa nhận hành vi và tội danh như Toà án cấp sơ thẩm quy kết là đúng, chỉ giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Qua xem xét lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Từ ngày 15/3/2022 đến ngày 17/5/2022, các bị cáo Hoàng Thị Hồng N và Nguyễn Phước H lợi dụng sự quen biết thân tình với vợ chồng bà N2 và ông D, đã nhiều lần đưa ra thông tin gian dối về việc có đối tác nước ngoài cho Công ty của các bị cáo mượn số tiền 850.000 USD để giải quyết khó khăn của Công ty, số tiền này hiện đối tác tại nước Senegal đang quản lý, cần mượn tiền để kích hoạt tài khoản làm thủ tục thanh toán hợp đồng trị giá 850.000 USD tại T và nói dối

trong việc đã xuất cảnh sang Senegal để giải quyết hợp đồng, cần tiền làm chi phí thanh toán hợp đồng, chuyển tiền về Việt Nam, sau khi tiền về sẽ thanh toán đầy đủ; từ đó làm cho vợ chồng ông Phan D và bà Huỳnh Thị Kim N2 tin tưởng và đã nhiều lần (11 lần) cho vợ chồng bị cáo N, H mượn tổng số tiền 15.848.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt tiền, N và H sử dụng mua Bitcoin từ Nguyễn Văn N1, việc mua bán Bitcoin được thực hiện qua Zalo của N1 (NhamBK, đăng ký số điện thoại 0395.953.748) và N (Nhạn và Anna H2); qua xác minh xác định hiện nay vợ chồng bị cáo N, H mất hoàn toàn khả năng thanh toán. Quá trình điều tra xác định từ ngày 01/7/2021 đến ngày 08/6/2022 bị cáo N đã chuyển cho Nguyễn Văn N1 số tiền là 23.700.000.000 đồng để mua Bitcoin; như vậy có căn cứ để xác định trước khi thực hiện hành vi gian dối để vay mượn tiền của vợ chồng bị hại N2 thì vợ chồng bị cáo N đã có hoạt động mua Bitcoin từ tháng 7/2021; việc bị cáo N khai đã chuyển toàn bộ số Bitcoin mua được từ Nhâm vào ví điện tử của đối tượng có tên S1 là không có cơ sở để chứng minh.

Với hành vi phạm tội đó, Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Hoàng Thị Hồng N, Nguyễn Phước H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo, HĐXX thấy rằng:

Các bị cáo Hoàng Thị Hồng N, Nguyễn Phước H nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song vì động cơ mục đích vụ lợi muốn có tiền để đầu tư tiền ảo Bitcoin, các bị cáo bất chấp sự trừng trị của pháp luật, nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối, nói dối với bị hại vay mượn tiền giải quyết công việc liên quan đến thanh toán hợp đồng trị giá 850.000 USD tại T và nói dối trong việc đã xuất cảnh sang Senegal để giải quyết hợp đồng, từ đó đã nhiều lần chiếm đoạt của bị hại với số tiền rất lớn, đến nay mất hoàn toàn khả năng bồi thường.

Trong vụ án này bị cáo N là người khởi xướng hành vi phạm tội, đưa ra thông tin gian dối về hợp đồng trị giá 850.000 USD, nói dối trong việc xuất cảnh qua Senegal để giải quyết hợp đồng, lôi kéo bị cáo H tham gia phạm tội; bị cáo H là chồng nhưng đã tiếp nhận ý chí và cùng cố ý thực hiện tội phạm với vợ là bị cáo N, cùng đưa ra thông tin gian dối về hợp đồng, cùng nói dối về việc bị cáo N đã xuất cảnh qua S2 để tiếp tục mượn tiền của bị hại, nhiều lần trực tiếp nhận tiền từ bị hại để chuyển cho bị cáo N sử dụng. Do vậy, có căn cứ để xác định để thực hiện tội phạm các bị cáo đã có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau để cùng thực hiện tội phạm; thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền của bị hại nhiều lần; nên các bị cáo phạm tội thuộc các trường hợp “Phạm tội có tổ chức” và “Phạm tội từ 02 lần trở lên”, là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a, g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu; gia đình bị cáo N có công với cách mạng, bị cáo N có cha được Nhà nước tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, Huân chương chiến thắng, Huân chương kháng chiến, mẹ được

tặng Huân chương kháng chiến; các bị cáo trong vụ án là vợ chồng, có 01 con sinh năm 2005 con đang tuổi ăn học; tại phiên tòa sơ thẩm bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; tại phiên tòa các bị cáo đã nhận tội, khai nhận về hành vi phạm tội, ăn năn hối cải; có tác động gia đình bồi thường được 900.000.000 đồng/15.848.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả cho bị hại. Đây là các tình tiết về nhân thân và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng, giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình. Từ đó, Toà án cấp sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo là phù hợp.

Tuy nhiên tại phiên toà phúc thẩm, Luật sư bào chữa cho các bị cáo có xuất trình: tài liệu về thành tích và đóng góp của bị cáo Hoàng Thị Hồng N trong quá trình công tác: *Đóng góp xây dựng Bệnh viện Ung thư của thành phố Đà Nẵng; chứng nhận cup vàng thương hiệu năm 2008; chứng nhận bà* Hoàng Thị Hồng N, *Tổng giám đốc* Công ty TNHH S3-*Biểu tượng vàng, vì sự nghiệp Văn hoá doanh nhân Việt Nam, ngày 20/01/2008.* (Các tài liệu này là bản phô tô nhưng bị cáo N cam kết đây là sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật; Luật sư giải trình rằng do Công ty của bị cáo đang bị niêm phong và các bản gốc để ở Công ty không thể lấy bản gốc ra công chứng được). Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, sửa Bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo N một phần hình phạt. Đối với bị cáo H do không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên kháng cáo không được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo H.

Về án phí phúc thẩm hình sự: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Hoàng Thị Hồng N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Phước H phải chịu án phí phúc thẩm hình sự theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Thị Hồng N, sửa Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo Nguyễn Phước H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Hoàng Thị Hồng N **19** (**Mười chín**) năm tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 24/7/2023.

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Phước H **17 (Mười bảy)** năm tù, về tội "Lùa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 24/7/2023.

Về án phí phúc thẩm hình sự: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Phước H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Hoàng Thị Hồng N không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng (04);
- Công an thành phố Đà Nẵng (03);
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA TP Đà Nẵng (03);
- Bị cáo (TTG tống đạt cho bị cáo);
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Cường